

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 25 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 463/GXN-UBND ngày 27/7/2020 của UBND huyện Cẩm Giàng cho Dự án "Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh các loại trục lò xo, công tắc hành trình và trục kỹ thuật dùng cho thiết bị văn phòng tự động và các loại thiết bị điện, điện tử khác" của Công ty TNHH Matex Việt Nam thực hiện tại Lô F1 KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Matex Việt Nam ngày 16/10/2024 và Văn bản số CV-241220/MVL ngày 20/12/2024 của Công ty TNHH Matex Việt Nam về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh các loại trục lò xo, công tắc hành trình và trục kỹ thuật dùng cho thiết bị văn phòng tự động và các loại thiết bị điện, điện tử khác và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 375/TTr-TNMT ngày 24 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Matex Việt Nam, địa chỉ tại KCN Phúc Điền, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh các loại trục lò xo, công tắc hành trình và trục kỹ thuật dùng cho thiết bị văn phòng tự động và các loại thiết bị điện, điện tử khác tại Lô F1, KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Dự án Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh các loại trục lò xo, công tắc hành trình và trục kỹ thuật dùng cho thiết bị văn phòng tự động và các loại thiết bị điện, điện tử khác.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô F1, xã Phúc Điền, KCN Phúc Điền, huyện Cẩm

Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên mã số doanh nghiệp 0800305378 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/12/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2106217348 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 14/03/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 07/5/2020.

1.4. Mã số thuế: 0800305378.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và kinh doanh các loại trục lò xo; công tác hành trình và các loại trục kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 10.010 m².

- Công suất của dự án: 600 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Matex Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Nguyên Thái Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng có thẩm quyền nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Matex Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cổng thông tin điện tử huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: VT, TNMT.



Nguyễn Văn Công



Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18/GPMT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt được thu gom toàn bộ về hệ thống xử lý có công suất 20 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Matex Việt Nam sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Matex Việt Nam đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Điền).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải từ quá trình nấu ăn: được đi qua bể tách dầu mỡ 1m³, sau đó qua đường ống PVC D110 dài 10m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (công suất 20 m³/ngày đêm) của Công ty.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh tại khu vực nhà xưởng sẽ được thu gom bằng đường ống PVC 110 vào bể tự hoại 32m³.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh tại khu vực nhà kho sẽ được thu gom bằng đường ống PVC 110 vào bể tự hoại 42,5m³.

Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (công suất 20 m³/ngày đêm) bằng đường ống PVC D110.

Nước thải sau xử lý đi qua ống PVC D48 độ dốc 0,1% dài 60m chảy vào hệ thống thoát nước của KCN Phúc Điền.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà ăn → bể tách dầu mỡ 1m³ → Hồ thu gom

+ Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ thu gom

Sau đó nước thải từ hồ thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Ngăn khử trùng → Đầu nối với hệ thống Khu công nghiệp

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: ETHANOL 96% bổ sung 1 lít/ ngày, Viên Clo TCCA 90% bổ sung 1 viên/4~5 ngày, SODA 99% bổ sung 400g/ngày (hoặc các hóa chất khác tương đương, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* *Biện pháp phòng ngừa:*

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Trang bị các thiết bị dự phòng (máy bơm, máy thổi khí,...) để thay thế sử dụng ngay khi có sự cố hỏng thiết bị.

- Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất. Cập nhật đầy đủ nhật ký vận hành các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố sớm nhất.

* *Biện pháp khắc phục:*

- Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Công ty hoặc thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

- Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn phải ngưng hoạt động hệ thống để tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định của giấy phép môi trường thực hiện dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại các bể của hệ thống để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Trường hợp không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại các bể trong hệ thống thì Công ty thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải chung - Công suất 20 m³/ngày đêm.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: tối đa 6 tháng.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm

- 01 điểm lấy tại hồ thu gom

- 01 điểm lấy tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo mức cam kết Khu công nghiệp Phúc Điền.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Mẫu nước thải trước xử lý tại 01 vị trí lấy tại hồ thu gom: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn)

- Mẫu nước thải sau xử lý 01 vị trí lấy tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận nước thải.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, 6, 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền; đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp theo đúng quy định của pháp luật; không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024
của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực để máy CNC;
- Nguồn số 02: Khu vực để máy phụ trợ;
- Nguồn số 03: Khu vực máy xoắn/ép;
- Nguồn số 04: Khu vực để máy quán;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ nguồn số 01: X(m) = 2315503.12; Y(m) = 571250.23.
- Tọa độ nguồn số 02: X(m) = 2315448.19; Y(m) = 571262.25.
- Tọa độ nguồn số 03: X(m) = 2315491.08; Y(m) = 571226.18.
- Tọa độ nguồn số 04: X(m) = 2315428.08; Y(m) = 571248.25.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.



Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng	Ký hiệu phân loại
1	Dầu mỡ tổng hợp thải	07 03 05	2.000	NH
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	50	NH
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	30	NH
4	Giẻ lau, găng tay, vật liệu hấp thụ dầu hoặc TPNH khác	18 02 01	2.650	KS
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	5.200	KS
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 02	90	KS
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	130	KS
	Tổng (kg/năm)		10.150	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên (trừ chất thải được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất, ký hiệu là TT-R):

TT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Phế liệu bìa Carton, giấy	3.300
2	Phế liệu nilon	1.050
3	Phế liệu mảnh vụn sắt, thép gỉ	16.000
4	Phế liệu mảnh vụn sắt, thép không gỉ	2.700
5	Mực in, hộp chứa mực in văn phòng (loại không có	50

TT	Tên chất thải	Khối lượng
	các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng)	
6	Dầu mỡ (từ hố ga tách mỡ)	500
7	Khối lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	1.000
8	Bùn thải từ bể phốt	3.000/đợt
	Tổng (kg/năm)	27.600

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **6,5 tấn/năm**.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu giữ:

Trang bị các bao bì, thùng, phuy, can.

2.1.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho: 15 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được bố trí trong nhà xưởng. Khu vực chứa chất thải nguy hại được ngăn cách với các khu vực khác bằng vách ngăn. Bên ngoài khu vực chứa chất thải nguy hại được dán các biển dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa, bao bì chứa.

- Diện tích kho: 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được bố trí trong nhà xưởng. Khu vực chứa chất thải rắn thông thường được ngăn cách với các khu vực khác bằng vách ngăn.

2.3. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa, bao bì chứa.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự

cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công ty TNHH Matex Việt Nam có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn, nước thải, khí thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

